

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 256/2026/HNGĐ-ST  
Ngày 28-7-2026  
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi  
dưỡng con chung

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thái Minh Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lý Văn Til.

2. Bà Nguyễn Thảo Ngân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Võ Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 583/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1166/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Số nhà A, ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Tài N, sinh năm 2004.

Địa chỉ: Số A khu vực T, phường H, thành phố Cần Thơ

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2026 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Tài N tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận C, thành phố Cần Thơ vào ngày 21/10/2024. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên gây cãi. Xét thấy việc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tài N.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Nguyễn Tài N có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Quốc B (nam), sinh ngày 26/8/2024. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quốc B, yêu cầu anh Tài N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đồng cho đến khi cháu Quốc B tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tự khai ngày 13/7/2026, anh Nguyễn Tài N trình bày: Anh thống nhất với quan hệ hôn nhân và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng như chị Thùy L trình bày tại đơn khởi kiện.

Về hôn nhân: Anh thống nhất ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy L.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Thùy L có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Quốc B (nam), sinh ngày 26/8/2024. Sau khi ly hôn, anh thống nhất giao cháu Quốc B cho chị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con .

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tài N; Về con chung: yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Quốc B. Tuy nhiên, không yêu cầu ông Nguyễn Tài N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Nguyễn Tài N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông T là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2026, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tài N và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên xác định đây là loại kiện “tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường H, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thùy L và anh Tài N tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận C, thành phố Cần Thơ vào ngày 21/10/2024 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị Thùy L cho rằng do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tài N. Tại tờ tự khai ngày 13/7/2026, anh Tài N cũng trình bày thống nhất ly hôn với chị Thùy L và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt cùng ngày 13/7/2026. Hội đồng xét xử nhận thấy, anh Tài N không tha thiết đoàn tụ, mâu thuẫn giữa anh Tài N và chị Thùy L đã thật sự trầm trọng, thiết nghĩ một bên đã không còn tha thiết gì với cuộc hôn nhân này và đã khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thùy L theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị Thùy L và anh Tài N có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Quốc B (nam), sinh ngày 26/8/2024. Cháu Quốc B còn rất nhỏ (chưa tròn 36 tháng tuổi). Hiện tại, cháu Quốc B đang sống ổn định cùng chị Thùy L. Chị Thùy L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và tại Tờ tự khai ngày 13/7/2026, anh Tài N cũng thống nhất giao cháu Quốc B cho chị Thùy L nuôi dưỡng. Do đó, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu Quốc B nên tiếp tục giao cháu Quốc B cho chị Thùy L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị Thùy L không yêu cầu anh Tài N cấp dưỡng nuôi con và anh Tài N cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, vì lợi ích mọi mặt của cháu Quốc B, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[3.4] Về tài sản chung: Chị Thùy L và anh Tài N xác định là không có tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị Thùy L và anh Tài N xác định là không có nợ chung nên không đặt ra xem xét.

Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Thùy L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy L.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với anh Nguyễn Tài N.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Hoàng Quốc B (nam), sinh ngày 26/8/2024 cho chị Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tài N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Nguyễn Tài N, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của cháu Quốc B, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Thùy L đã nộp theo biên lai thu số 0011926 ngày 12 tháng 6 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa nên có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 36 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 34 của Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 3 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cần Thơ;
- **UBND phường Hưng Phú,**  
**thành phố Cần Thơ;**
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thái Minh Ngọc**